

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 408/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 06-8-2026
V/v ly hôn giữa anh Trần Anh Tuấn và
chị Lê Thu Hương

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 – NINH BÌNH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Tổng Thị Kim Phụng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Công

Bà Trần Thị Ánh Tuyết

- **Thư ký phiên toà:** Ông Trần Văn Kiên - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình tham gia phiên toà:** Ông Bùi Ngọc Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 8 năm 2026, tại Trụ sở Toà án nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 368/2026/TLST-HNGĐ ngày 14-7-2026 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 95/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Trần Anh T**, sinh ngày 26-9-1984; số căn cước công dân: 036084000558; nơi đăng ký thường trú và chỗ ở hiện tại: **Số A đường T, phường N, tỉnh Ninh Bình**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **Lê Thu H**, sinh ngày 30-7-1986; số căn cước công dân: 036186008077; nơi đăng ký thường trú: **Số A C, phường N, tỉnh Ninh Bình**. Hiện chị **Lê Thu H** đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 3 - **Công an tỉnh N**. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện tranh chấp về hôn nhân và gia đình nộp, trong quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn anh **Trần Anh T** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị **Lê Thu H** có đăng ký kết hôn lần đầu tiên sau đó do vợ chồng mâu thuẫn nên đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định và được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 134/2010/QĐST-HNGĐ ngày 18-6-2010. Sau đó, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 03-4-2018 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống sau khi kết hôn lại, vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân, chị **Lê Thu H** vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tuyên xử 03 (ba) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”. Đến nay, giữa anh và chị **H** không còn tình cảm nên anh đề nghị Tòa án cho anh được ly hôn với chị **Lê Thu H**.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nam N**, sinh ngày 22-7-2006 (giới tính: Nam); số định danh cá nhân: 036206023019.

Anh **Trần Anh T** có quan điểm: Hiện tại cháu **Trần Nam N** đã lớn và trưởng thành, có khả năng lao động tự lập nên không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Tại bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là chị **Lê Thu H** trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh **Trần Anh T** phát sinh nhiều mâu thuẫn trong quá trình chung sống nên đã làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định và được Tòa án nhân dân thành phố Nam Định cho ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn số 134/2010/QĐST-HNGĐ ngày 18-6-2010. Sau đó, vợ chồng tự nguyện đăng ký kết hôn lại vào ngày 03-4-2018 tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N (nay là Ủy ban nhân dân phường N, tỉnh Ninh Bình). Quá trình chung sống sau khi kết hôn lại, vợ chồng vẫn xảy ra nhiều mâu thuẫn dẫn đến phải sống ly thân. Đầu năm 2026, chị vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình tuyên xử 03 (ba) năm tù về tội: “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”, hiện chị đang bị giam giữ tại Trại tạm giam số 3 – Công an tỉnh N. Đến nay, giữa chị và anh **Trần Anh T** không còn tình cảm nên chị đồng ý ly hôn với anh **Trần Anh T**.

- Về nuôi con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nam N**, sinh ngày 22-7-2006 (giới tính: Nam); số định danh cá nhân: 036206023019.

Chị **Lê Thu H** có quan điểm: Hiện tại cháu **Trần Nam N** đã lớn và trưởng thành, có khả năng lao động tự lập nên không đề nghị Tòa án giải quyết về việc nuôi con chung.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Chị xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Ninh Bình căn cứ Điều 21, Điều 262 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhận xét đánh giá:

Về quá trình tiến hành tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật.

Về việc chấp hành pháp luật của các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật, đều có đơn đề nghị vắng mặt tại phiên tòa.

Về việc giải quyết vụ án: Quan hệ hôn nhân giữa chị **Lê Thu H** và anh **Trần Anh T** là hôn nhân hợp pháp. Trong quá trình chung sống anh chị phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm. Chị **Lê Thu H** đã vi phạm pháp luật và bị Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình xét xử 03 năm tù về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” và hiện đang bị giam giữ tại Trại tạm giam số 3 – **Công an tỉnh N**. Nay hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 đề nghị Hội đồng xét xử xử lý hôn giữa anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H**. Về con chung: Do con chung đã lớn, trưởng thành, có khả năng lao động tự lập nên không đặt ra xem xét giải quyết về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Do đương sự không có yêu cầu nên Tòa án không giải quyết về tài sản chung, nghĩa vụ chung của vợ chồng. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên nghĩa vụ nộp án phí và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Anh **Trần Anh T** có đơn khởi kiện ly hôn với chị **Lê Thu H** có đăng ký thường trú tại: **Ủy ban nhân dân phường N**, tỉnh Ninh Bình và hiện đang bị giam giữ tại Trại tạm giam số 3 – **Công an tỉnh N** nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Nguyên đơn là anh **Trần Anh T** và bị đơn là chị **Lê Thu H** có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt nên Hội đồng **xét xử xét xử** căn cứ khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H** có đăng ký kết hôn tự nguyện tại Ủy ban nhân dân phường N, thành phố N, tỉnh Nam Định (nay là phường N, tỉnh Ninh Bình) vào ngày 03 tháng 4 năm 2018 nên hôn nhân giữa anh **T** và chị **H** là hôn nhân hợp pháp.

Căn cứ vào lời khai của anh **Trần Anh T**, và chị **Lê Thu H** cùng tài liệu trong hồ sơ có đủ cơ sở để xác định: Trước khi anh **Trần Anh T** làm đơn khởi kiện ly hôn vào ngày 13-7-2026, vợ chồng anh chị đã từng xảy ra mâu thuẫn và dẫn đến vợ chồng phải ly hôn theo Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 134/2010/QĐST-HNGĐ ngày 18-6-2010 của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định (nay là Tòa án nhân dân khu vực 7 – Ninh Bình). Sau đó đến năm 2018, vợ chồng đăng ký kết hôn lại nhưng vợ chồng vẫn xảy ra mâu thuẫn và đã sống ly thân nhiều năm nay. Hiện nay chị **H** vi phạm pháp luật và đang bị giam giữ tại **Trạm tạm giam** số 3 – **Công an tỉnh N** nên cuộc sống chung của vợ chồng hiện tại không còn trên thực tế và các bên đều xác định không còn tình cảm, trách nhiệm gì với nhau. Xét mâu thuẫn vợ chồng anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H** đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H** được ly hôn.

[3] Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là **Trần Nam N**, sinh ngày 22-7-2006 (giới tính: Nam); số định danh cá nhân: 036206023019. Xét thấy con chung **Trần Nam N** đã trên 18 tuổi và có khả năng lao động tự lập nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: **Anh T** và chị **H** đều xác định vợ chồng không có tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội anh **Trần Anh T** là nguyên đơn nên phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 và khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025);

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H**.
2. Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản của vợ chồng: Anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.
3. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh **Trần Anh T** phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Khấu trừ khoản tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) anh **Trần Anh T** đã nộp tại biên lai số 0000227 ngày 14-7-2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Bình. Anh **Trần Anh T** đã nộp đủ.
4. Về quyền kháng cáo: Anh **Trần Anh T** và chị **Lê Thu H** có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND khu vực 7 – Ninh Bình;
- THADS tỉnh Ninh Bình;
- UBND P. Nam Định, tỉnh Ninh Bình;
- (ĐKKH số 24 ngày 03-4-2018; UBND P. Năng Tĩnh)
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tổng Thị Kim Phụng